

487. Chuyện nam tử Uddalaka (Tiền thân Uddalaka)

Hàm răng bản, áo da dê, tóc bện...

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một người gian dối.

Người này, mặc dù đã đặt cuộc đời mình vào Giáo pháp đưa đến giải thoát, trong lúc muốn kiếm lợi dưỡng cần dùng để sống, đã hành động lừa đảo cả ba mặt. Tăng chúng đều rõ ra những ác hạnh của người này trong lúc bàn luận tại Chánh pháp đường:

- Nay các Hiền giả, người đó sau khi đã đặt hết cuộc đời mình vào Chánh pháp của đức Phật đưa tới giải thoát, lại sống lừa dối kẻ khác!

Bậc Đạo Sư bước vào, và muốn biết Tăng chúng đang bàn luận gì tại đó. Tăng chúng trình với Ngài. Ngài bảo:

- Đây không phải là lần đầu tiên, kẻ ấy trước kia cũng đã lừa dối rồi.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thửa ruộng, khi vua Brahmadata trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-Tát là một vị Tể sư rất thông thái. Một ngày kia, ngài vào vườn hoa để giải trí, chợt thấy một cô gái có sắc đẹp lẳng lơ, đắm say mê nàng và đem nàng về nhà mình chung sống.

Khi thấy mình thọ thai, nàng liền bảo ngài:

- Thưa Đại quan, thiếp đã có thai, khi sinh con, thiếp muốn đặt tên cho nó theo danh tánh của tổ phụ nó.

Song ngài suy nghĩ: "Chẳng bao giờ tên họ của một dòng quý tộc lại đặt cho đứa con hoang của một nô tỳ". Vì thế, ngài bảo:

- Nay ái nương, cây này tên là Uddala (quế), nàng có thể đặt tên con là Uddalaka vì nó thọ thai ở gốc cây này.

Sau đó, ngài cho nàng một chiếc nhẫn có dấu hiệu riêng và bảo:

- Nếu nó là con gái, hãy dùng chiếc nhẫn này mà nuôi dưỡng nó cho lớn khôn, còn nếu là con trai thì hãy đem đến cho ta lúc nó trưởng thành.

Đến kỳ hạn, nàng sinh hạ một con trai và đặt tên là Uddalaka. Khi chàng trai lớn lên, chàng hỏi mẹ:

- Mẹ ơi, cha con là ai thế?

- Là vị Tể sư đây con ạ.

- Nếu vậy, con sẽ học các kinh thánh.

Thế là khi nhận được chiếc nhẫn từ tay mẹ và số học phí dành cho thầy giáo, chàng lên đường đi đến Takkasilà, và học ở đó với một giáo sư lừng danh thế giới.

Trong thời gian học tập, chàng thấy một đám người tu khổ hạnh. Chàng suy nghĩ: "Đám người kia chắc chắn phải có kiến thức vẹn toàn. vậy ta muốn học hỏi ở họ". Vì thế, chàng từ giã thế tục, và vì chàng ước mong được kiến thức, nên làm việc phục dịch các vị này, chỉ yêu cầu các vị ấy dạy lại cho chàng mọi kiến thức thông thái của họ. Thế rồi các vị ấy dạy cho chàng mọi điều hiểu biết, song giữa đám năm trăm người ấy chẳng có ai vượt chàng về kiến thức cả, chàng là người thông thái nhất.

Sau đó, đám người ấy tụ tập lại và bầu chàng làm thầy. Chàng bảo họ:

- Thưa các Tôn giả, các ngài sống suốt đời ở trong rừng ăn toàn hoa quả, củ rừng, tại sao các ngài không đi đến chỗ của người thế tục?

- Thưa Tôn giả, người đời muốn cúng dường chúng ta, nhưng lại muốn chúng ta trả ơn bằng cách thuyết Pháp, họ hay hỏi ta nhiều chuyện lắm. Vì sợ điều này nên chúng ta không muốn đến giữa người đời.

Chàng đáp:

- Thưa các Tôn giả, nếu các ngài có ta cùng đi, thì cứ để một vị Chuyển luân vương cật vấn, một mình ta sẽ giải đáp ôn hòa, chớ sợ gì cả.

Thế là chàng cùng hội chúng đi du hành khát thực để sống và cuối cùng đến Ba-la-nại, trú ngụ trong vườn ngự uyển. Hôm sau, cùng với cả đám ấy chàng khát thực ở một làng trước cổng thành. Dân chúng bố thí rất nhiều. Ngày hôm sau nữa, các nhà tu khổ hạnh đi qua kinh thành, dân chúng lại bố thí rất nhiều. Vị khổ hạnh Uddalaka nói lời tùy hỷ công đức rồi giải đáp các lời chất vấn. Dân chúng rất hoan hỷ và lại cúng dường phong phú cho hội chúng mọi thứ cần dùng.

Toàn kinh thành vang dậy tin đồn:

- Một vị giáo sư thông thái mới đến, một vị Thánh nhân khổ hạnh.

Và vua nghe được tin đó. Nhà vua hỏi:

- Các vị ấy đang ở đâu?

Dân chúng tâu:

- Trong ngự uyển.

Nhà vua bảo:

- Tốt lắm, hôm nay ta sẽ đi thăm các vị ấy.

Một người đi báo với Uddalaka:

- Đức vua sẽ đến viếng các Tôn giả hôm nay.

Chàng gọi hội chúng lại và bảo:

- Nay các Tôn giả, đức vua sắp đến, hãy chiêm cho được ân vua trong một ngày cũng đủ cho cả đời người.

- Vậy ta phải làm gì, thưa Sư trưởng?

Chàng đáp:

- Một vài vị phải chịu khổ hình treo người lủng lẳng, vài vị ngồi xỏm dưới đất, vài vị nữa nằm trên giường chông, vài vị khác chịu khổ hạnh với năm ngọn lửa, thêm vài vị ngâm mình xuống nước và vài vị tụng Thánh kinh ở chỗ này chỗ nọ.

Các vị ấy làm y lời.

Chính chàng cùng độ mười vị hiền giả ngồi trên một chỗ đã soạn sẵn có lót gôi dựa, bàn luận với nhau, có một quyển sách đẹp cân xứng nằm trên một cái giá mực sang trọng bên cạnh chàng, và thỉnh chúng vây quanh.

Lúc ấy, vua và vị Tể sư cùng với đám tùy tùng đông đảo bước vào ngự uyển, và vua khi thấy tất cả hội chúng ở đây đang chuyên chú trong dáng điệu khổ hạnh như vậy, vua rất hoan hỷ, nghĩ thầm: "Các vị này đều giải thoát khỏi nỗi lo âu về các cõi dữ ở đời sau rồi". Khi đến gần Uddalaka, vua ân cần đánh lễ và ngồi xuống một bên. Rồi với lòng hân hoan, vua bắt đầu nói chuyện với vị Tể sư và ngâm vần kệ đầu:

*1. Hàm răng bản, áo da dê, tóc bện,
Miệng thì thâm lời thánh đạo bình an,
Chẳng từ nan nhiều phương tiện hiền nhân,
Chắc đã đạt Chân như và Giải thoát.*

Nghe vậy, vị Tể sư nghĩ:

- Đức vua hoan hỷ ở một chỗ đáng lẽ không nên hoan hỷ, vậy ta không được giữ yên lặng.

Rồi ngài ngâm vần kệ:

*2. Một trí nhân có thể làm ác hạnh,
Một trí nhân có thể chẳng chánh chân,
Ngàn câu Vệ-đà chẳng tạo an toàn
Khi việc hồng, hoặc cứu người lâm nạn.*

Khi Uddalaka nghe những lời này, liền nghĩ thầm:

"Vua hài lòng về những vị khỗ hạnh này, song vị Tế sư lại đùng ngay vào mõm con bò khi chạy quá nhanh, làm rơi đồ dơ vào đĩa cơm đã dọn sẵn, ta phải nói chuyện với vị ấy mới được". Vì thế, chàng đáp lời ngài qua vần kệ thứ ba:

*3. Ngàn câu Vệ-đà chẳng tạo an toàn
Khi việc hồng, hoặc cứu người nguy khốn:
Kính Vệ-đà hẳn là đồ vô dụng,
Chánh đạo là: làm chánh, tự điều thân.*

Vị tế sư nghe vậy, liền ngâm vần kệ thứ tư:

*4. Không phải thế, Vệ-đà không vô dụng,
Dù tự điều thân là đạo chánh chân,
Học Vệ-đà vẫn mang lại vinh quang,
Song ta đạt tới an nhờ chánh hạnh.*

Bấy giờ, Uddalaka suy nghĩ: "Gây gỗ với vị này sẽ không bao giờ ích lợi đâu. Nếu ta bảo ngài: ta chính là con trai của ngài, ngài phải thương yêu ta. Vậy ta phải quyết cho ngài biết ta là con của ngài". Thế rồi chàng ngâm vần kệ thứ năm:

*5. Cha mẹ và thân quyến họ hàng
Đòi ta chăm sóc với yêu thương,
Mẹ cha là bản thân con đó,
Con Ud-da-la chính búp non
Từ gốc rễ nhà ngài quý tộc,
Thưa ngài, Tôn giả Bà-la-môn.*

- Thế con chính là Uddalaka đấy ư? Ngài hỏi. Chàng đáp:

- Thưa, chính phải.

Sau đó, ngài hỏi:

- Trước kia, ta đã cho mẹ con một vật làm tin, nay nó đâu rồi?

Chàng đáp:

- Thưa Tôn giả Bà-la-môn, chính nó đây!

Rồi chàng trao chiếc nhẫn cho ngài. Ngài nhận ra chiếc nhẫn ấy rồi bảo:

- Con là một Bà-la-môn hẳn nhiên rồi, song có biết phận sự của một Bà-la-môn chẳng?

Ngài hỏi về các phận sự này qua vần kệ thứ sáu:

*6. Điều gì thành tựu một La-môn,
Vị ấy làm sao được thiện toàn?*

*Hãy nói thế nào người chánh hạnh,
Làm sao đạt hạnh phúc Niết-bàn?*

Uddalaka giải thích việc ấy qua vần kệ thứ bảy:

*7. Bỏ đời, sùng bái lửa thiêng hồng,
Vung gậy tế đàn, rải nước trong,
Phận sự làm xong, người tán tụng,
La-môn như vậy được an lòng.*

Vị tế sư lắng nghe chàng kể các phận sự của một vị Bà-la-môn như vậy, xong ngài ngâm vần kệ thứ tám để phê bình chuyện ấy như sau:

*8. Rải nước không làm sạch Đạo nhân,
Thiện toàn chẳng phải việc dâng đàn,
Cũng không an ôn và thân ái,
Chẳng đạt tối cao, lạc Niết-bàn.*

Nghe thế, Uddalaka lại hỏi:

- Nếu việc này không làm thành một Bà-la-môn, thế thì việc gì?

Và chàng ngâm vần kệ thứ chín:

*9. Điều gì thành tựu hạnh La-môn
Vị ấy làm sao được thiện toàn,
Xin bảo thế nào người chánh hạnh,
Làm sao thành tựu lạc Niết-bàn?*

Vị Tế sư đáp lời qua vần kệ khác:

*10. Người không của cải, chẳng nương đồng,
Không có họ hàng, chẳng ước mong,
Chẳng thiết cuộc đời, không ái dục,
Hoặc không ác hạnh, thấy đều không.
Đạo nhân vậy đạt tâm thanh tịnh,
Giữ phận chánh chân, được tán đồng.*

Sau đó, Uddalaka lại ngâm kệ nữa:

*11. Công, nông, giáo sĩ, đến vua quan,
Nô lệ, Chiên-đà, các tiện dân,
Tất cả những người đầy trức ản,
Đều thành tựu cực lạc Niết-bàn.
Vậy ai cao trọng, ai hèn kém
Giữa các Thánh hiền tối thượng chẳng?*

Khi đó, vị Bà-la-môn kia ngâm vần kệ nêu rõ ràng không có ai cao, ai thấp khi đã đạt Thánh quả:

*12. Công, nông, giáo sĩ, đến vua quan,
Nô lệ, Chiên-đà, các tiện dân,
Tất cả những người đây trức ản,
Đều thành tựu cực lạc Niết-bàn,
Chẳng ai cao trọng, ai hèn kém
Giữa các bậc hiền Thánh đại nhân.*

Song Uddalaka phê bình điêm này bằng cách ngâm vần kệ:

*13. Công, nông, giáo sĩ, đến vua quan,
Nô lệ, Chiên-đà, các tiện dân,
Tất cả những người này đức hạnh
Đều thành tựu cực lạc Niết-bàn,
Chẳng ai cao trọng, ai hèn kém,
Giữa các bậc hiền Thánh đại nhân;
Giáo sĩ, vậy ngài vô tích sự,
Hư danh địa vị, hấn rồi chẳng?*

Đến đây, vị Tể sư ngâm đôi vần kệ nữa, cùng với một ví dụ:

*14. Với tấm vải thô nhuộm đủ màu,
Ngôi đình được dựng, mái đình cao,
Đình tròn, rục rở đây màu sắc,
Bóng đổ một màu vẫn giống nhau.*

*15. Vậy khi nhiều kẻ đạt thanh tâm
Tại chính nơi đây, giữa cõi trần,
Người thiện thấy toàn là bậc Thánh,
Chẳng hề hỏi huyết thống nguồn căn.*

Bấy giờ, Uddalaka không còn nói gì được nữa, nên chàng ngồi yên lặng. Lúc ấy, vị Tể sư Bà-la-môn nói với vua:

- Tâu Đại vương, tất cả bọn này đều là phường dối trá, toàn cõi Diêm-phù sẽ bị suy tàn vì nạn lừa đảo kia. Xin Đại vương hãy khuyến dụ Uddalaka từ bỏ việc hành trì khổ hạnh của nó và làm Tể sư theo gót hạ thần, lại cho phép đám người này khỏi phải tu tập khổ hạnh, rồi cho chúng đủ gươm, giáo, mộc để làm tùy tùng của Đại vương.

Vua chấp nhận, làm theo lời ngài dạy và tất cả bọn ấy đều đến phụng sự vua.

*

Khi bậc Đạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại, Ngài bảo:

- Nay các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên, mà kẻ này trước kia cũng đã làm một tên lừa đảo.

Rồi Ngài nhận diện Tiên thân:

- Vào thời ấy, Tỷ-kheo gian dối này là Uddalaka, Ananda là vua và Ta chính là vị Tế sư.

-ooOoo-

488. Chuyện củ sen (Tiên thân Bhisā)

Mong nhiều trâu ngựa, lăm kim ngân...

Chuyện này do bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất.

Trường hợp này cũng sẽ xuất hiện trong số 531, Tiên thân Kusa. Ở đây, một lần nữa, bậc Đạo Sư hỏi:

- Này Tỷ-kheo, có đúng là ông đã thối thất chăng?

- Bạch Thế Tôn, quả đúng vậy.

- Vì có gì?

- Bạch Thế Tôn, vì ác dục.

- Tại sao, này Tỷ-kheo, ông lại thối thất, sau khi đã hành trì đạo lý này trước khi đưa đến Giải thoát, và tất cả chỉ vì ác dục? Ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời, những bậc trí nhân khởi đầu cuộc sống tu hành, ngay cả những vị ngoại đạo cũng đã phát hạnh nguyện và đoạn trừ ngay các tướng khởi lên có liên hệ các dục hoặc sức cảm dỗ của dục.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadata trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm con trai của một đại danh gia Bà-la-môn có tài sản đến tám trăm triệu đồng tiền. Gia đình đặt tên ngài là Mahā-Kāncana hay Đại chúa tể Hoàng kim. Vào lúc ngài mới biết đi chập chững, một bé trai khác lại sinh ra đời trong nhà vị Bà-la-môn ấy và được đặt tên là Upa-kāncana hay Tiểu chúa tể Hoàng kim. Cứ như vậy, bảy nam nhi liên tiếp ra đời và cuối cùng là một quý nữ, được đặt tên là Kāncana-devi hay Công nương Hoàng kim.

Khi Mahā-Kāncana lớn lên, ngài đi học tập tại Takkaṣilā đầy đủ mọi môn học thuật rồi ngài trở về nhà. Lúc ấy, song thân ngài muốn lập cho ngài một gia thất riêng. Hai vị bảo:

- Cha mẹ sẽ tìm cho con một thiếu nữ nhà lành để kết bạn xứng đáng với con, rồi con sẽ yên bề gia thất.

Song ngài đáp:

- Thừa cha mẹ, con không muốn lập gia đình. Đối với con, ba cõi sinh hữu đều như lửa đốt, bị trói buộc xiềng xích như ngục tù, đáng ghê tởm tựa đồng phân. Con chẳng hề có ý nghĩ gì về việc đó, dù chỉ là trong giấc mộng. Cha mẹ có các con trai kia, xin bảo chúng làm chủ gia đình và để cho con yên thân.

Dù hai vị van nài ngài nhiều lần, nhờ bạn hữu của ngài đến năn nỉ ngài tận miệng, ngài cũng chẳng muốn gì về việc ấy cả. Sau đó, bạn bè hỏi ngài:

- Nay hiền hữu, thế bạn muốn gì mà bạn chẳng thiết tha đến việc tận hưởng tình yêu và lạc thú?

Ngài bảo họ ngài đã từ bỏ thế tục. Khi song thân hiểu việc này, hai vị đề nghị việc kia với các con trai thứ, nhưng chẳng ai chịu nghe cả, ngay cả nương tử Kancana cũng không. Dần dà cha mẹ qua đời. Trí giả Mahà-kancana làm lễ an táng song thân xong, với kho tàng tám trăm triệu ấy, ngài phân phát hào phóng cho tất cả đám hành khất và du sĩ, rồi ngài đem sáu em trai cùng em gái, một gia nhân và một nữ tỳ cùng một người bạn đường, ngài làm đại sự xuất gia và sống ẩn dật trong dãy Tuyết Sơn.

Tại đó, trên một vùng đất vừa ý gần một hồ sen, các vị xây một khu am thất ẩn cư tu hành và ăn toàn trái cây, củ rừng. Khi họ vào rừng, chỉ đi từng người một, nếu có vị nào thấy trái cây hay lá rau gì liền gọi các vị kia và tại đó, vừa bảo nhau những điều gì nghe thấy được, các vị vừa thu lượm các thức ăn sẵn có, chẳng khác gì cái chợ nhỏ trong làng. Song bậc Sư trưởng, vị khổ hạnh Mahà-kancana lại nghĩ thầm: "Ta đã bỏ qua cả gia sản tám trăm triệu và sống đời tu hành, rồi để ham đi quanh quẩn kiếm trái rừng, thật chẳng hợp lý. Từ nay, ta muốn một mình ta đi lượm trái rừng thôi". Sau đó, trở về nhà, buổi tối, ngài tập họp mọi người lại và nói cho họ biết ý định của ngài:

- Các em cứ ở đây, và tu tập đời ẩn sĩ, để ta đi hái quả cho các em.

Nghe vậy, Upa-kancana và các người kia ngắt lời:

- Chúng tiêu đệ đã theo hiền huynh đi tu hành, vậy chính hiền huynh phải ở nhà và tu tập đời ẩn sĩ, và hiền muội cũng ở nhà nữa, cùng với nữ tỳ. Tám người chúng em thay phiên nhau đi hái quả, còn ba người ở nhà khỏi làm việc ấy.

Ngài đồng ý.

Từ đó, tám người này thay phiên nhau đem trái cây về từng người một: Các người kia nhận được phần chia trong số kiếm được và mang đi về am thất của mình, rồi ở trong lều tranh riêng của mỗi người. Như vậy, các vị ấy không gặp gỡ nhau nếu không có duyên cớ. Người nào đến phiên mang thức ăn vào để ở một khu đất có rào thì đặt trên một phiến đá phẳng, chia ra mười một phần rồi đánh công lên, rồi lấy phần mình đi về nhà mình. Khi nghe tiếng công, các vị kia đến, không chen lấn nhau mà theo đúng lễ nghi trật tự, nhận phần mình đã được chia từ các thức kiếm được, rồi trở về nhà mình mới ngồi ăn, và sau đó lại tiếp tục hành thiền, tu tập khổ hạnh.

Sau một thời gian, họ lượm các củ sen để ăn và sống tại đó, tự hành xác với lửa nóng như thiêu như đốt và các loại cực hình khác, nên các giác quan đều tê liệt cả, trong khi họ cố hết sức để nhập định.

Vì công hạnh sáng chói của họ, chiếc ngai của Sakka (Đế Thích) Thiên chủ rung động lên. Ngài bảo:

- Các vị này chỉ thoát khỏi tham dục thôi, hay họ là các vị hiền nhân rồi? Họ có phải hiền nhân chăng? Nay ta muốn tìm hiểu xem sao.

Thế là nhờ thần lực của mình, suốt ba ngày, Thiên chủ làm cho phần thực phẩm của bậc Đạo Sư biến mất.

Ngày đầu tiên, khi không thấy phần mình, ngài nghĩ: "Có lẽ phần của ta đã bị quên mất". Vào ngày thứ hai: "Chắc hẳn ta có lỗi lầm nào. Chính là vì muốn nhắc nhở ta về điều này một cách cung kính mà người đó không chia phần cho ta". Vào ngày thứ ba: "Tại sao họ lại không chia phần cho ta như thế được? Nếu ta có gì lỗi lầm thì ta phải hòa giải phần mình trước".

Vì thế, buổi tối, ngài đánh cồng lên. Tất cả đều đến và hỏi ai đã đánh cồng.

- Nay các hiền đệ, chính ta đánh.

- Thưa Tôn giả, tại sao vậy?

- Nay các hiền đệ, trong ba ngày qua, ai đem thức ăn vào?

Một người đứng dậy nói:

- Chính tiểu đệ.

Rồi vị ấy vẫn đứng yên rất cung kính.

- Khi hiền đệ chia phần, có để dành phần cho ta chăng?

- Có chứ, thưa Tôn sư, đó là phần của vị Sư trưởng.

- Còn ai mang về thực phẩm hôm qua?

Một người khác đứng lên và nói:

- Chính tiểu đệ.

Rồi vị ấy kính cẩn đứng chờ.

- Thế hiền đệ có nhớ phần ta chăng?

- Tiểu đệ đã để phần Sư trưởng cho hiền huynh đấy.

- Thế hôm nay ai đem thực phẩm về?

Một người nữa đứng dậy và kính cẩn đứng chờ.

- Hiền đệ có nhớ chia phần cho ta không?
- Tiểu đệ đã để phần Sư trưởng cho hiền huynh đấy.

Ngài liền bảo:

- Nay các hiền đệ, hôm nay là ngày thứ ba ta không có phần ăn. Ngày đầu tiên ta không thấy phần mình, ta nghĩ người nào chia phần đã quên ta. Ngày thứ hai, ta nghĩ chắc ta đã phạm lỗi làm gì. Song hôm nay, ta quyết định rằng nếu có lỗi làm gì, ta sẽ hòa giải và vì thế ta đánh công triệu tập các tiểu đệ. Các hiền đệ bảo đã để các phần củ sen cho ta mà ta chẳng có được chút gì cả. Ta phải tìm hiểu xem ai đã lấy trộm và ăn hết phần đó. Khi ta đã từ bỏ cuộc đời và mọi tham dục ở đời rồi thì lấy trộm là chuyện không đúng đắn, dù chỉ là một củ sen.

Khi các vị kia nghe thấy lời ấy, họ đồng kêu to:

- Ôi, thật là một việc ác.

Và tất cả các vị đều lo lắng vô cùng.

Lúc bấy giờ, vị Thần trú trên cây gân am thất ấy, đó là cây cổ thụ lớn nhất rừng, bước ra ngồi giữa các vị. Cũng vậy, có một con Voi, không thể nào chịu nổi sự huấn luyện mà không đau đớn, nên phá chiếc cọc ở nơi nó bị trói vào, rồi chạy trốn vào rừng. Thỉnh thoảng, Voi thường đi đến kính lễ đám hiền giả này, nên bây giờ nó cũng đến đứng một bên. Có một con Khỉ đã được huấn luyện để làm trò với bầy Rắn, cũng chạy trốn thoát khỏi tay người luyện rắn vào trong rừng; nó ở tại vùng am thất ấy, nên hôm nay nó cũng đến kính lễ các hiền giả và đứng sang một bên. Thiên chủ Đệ Thích quyết tâm thử các vị ẩn sĩ này nên cũng tàng hình đứng cạnh hội chúng.

Lúc ấy, vị em thứ hai của Bồ-tát, ẩn sĩ Upa-kancana, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ ngài rồi cúi chào khắp hội chúng và nói như sau:

- Bạch Tôn sư, không kể đến các người kia, tiểu đệ xin được phép thanh minh cho mình khỏi tội này chăng?
- Nay hiền đệ, được lắm.

Vị ấy đứng lên giữa các hiền nhân và nói:

- Nếu đệ đã ăn các củ sen của Tôn huynh, đệ sẽ thành một người như vậy như vậy.

Và vị ấy trang nghiêm phát nguyện qua vắn kệ đầu:

*1. Mong nhiều trâu ngựa, lăm kim ngân,
Vợ quý, nó giữ gìn luyến thương,
Mong nó sinh nhiều trai gái đủ,
Kẻ ăn phần trộm của La-môn!*

Nghe thế, các vị tu khổ hạnh kia đều đặt tay lên hai tai và kêu to:

- Không, không thừa Tôn giả, lời thề nguyện ấy quả thật nặng nề lắm!

Và Bồ-tát cũng nói:

- Nay hiền đệ, lời nguyện của em nặng lắm đấy! Em không ăn phần đó, thôi, ngồi xuống nệm rom đi.

Vị ấy, sau khi thề nguyện xong, liền ngồi xuống.

Người em thứ ba đứng lên đánh lễ bậc Đại Sĩ và ngâm vần kệ thứ hai để thanh minh cho mình:

*2. Mong nó nhiều con, lắm áo quần,
Vòng hoa tay khoác, ngát chiên-đàn,
Tâm tư sôi sục đầy tham dục,
Kẻ trộm phần ngài, hỡi Đạo nhân!*

Khi vị ấy ngồi xuống, các vị kia lần lượt ngâm vần kệ. Vị thứ tư:

*3. Mong nó nhiều danh vọng, ruộng vườn,
Nhà kho, con cái, sẵn sàng dâng,
Nó không hiểu tháng năm dần mát,
Kẻ trộm phần ngài, hỡi Đạo nhân!*

Vị thứ năm:

*4. Mong nó lừng danh đại tướng quân,
Đế vương tối thượng ngự huy hoàng,
Thế gian bốn cõi đều phần nó,
Kẻ trộm phần ngài, hỡi Đạo nhân!*

*5. Mong nó trở thành một Đạo nhân,
Mà không chế ngự được tham sân,
Chỉ tin tinh tú, ngày lành tốt,
Được hiển vinh nhờ các đế vương
Ăn thưởng, kẻ ăn phần trộm đó,
Hỡi ngài, Tôn giả Bà-la-môn!*

Vị thứ sáu:

*6. Vê-đà, mong nó học uyên thâm,
Người quý trọng đức độ Thánh nhân,
Mong nó được muôn người bái phục,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!*

Vị thứ bảy:

7. *Ơn trời cho nó được ngôi làng,
Có đủ giàu sang, bốn loại hàng,
Khi chết, dục tham không chế ngự,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!*

8. *Nó làm lý trưởng, bạn quây quần,
Vũ khúc, hoan ca, nhạc đấm hồn,
Mong nó đầy tràn ơn lộc chúa,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!*

Tiểu muội:

9. *Mong nàng làm tuyệt thế giai nhân,
Chúa tể thế gian chọn má hồng,
Chánh hậu giữa muôn người toại ý,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!*

Nô tỳ:

10. *Khi mọi nữ tỳ tập họp xong,
Mong nàng oai vệ ngự ngai vàng,
Cao lương mỹ vị đầy ngon ngọt,
Kiêu hãnh vì ân phước của nàng,
Người đã lấy phần ăn trộm đó,
Hỡi ngài, Tôn giả Bà-la-môn!*

Thần cây:

11. *Mong nó bảo tồn viện Ka-jan,
Trùng tu quang cảnh đã tiêu tàn,
Hàng ngày làm cửa song nhà mới,
Kẻ trộm phần ngài, hỡi Đại nhân!*

Con Voi:

12. *Mong nó bị người bắt lấy thân,
Sáu trăm dây trói tự rừng hoang
Mang về thành, bị người vây đánh
Bằng gậy, giáo, gươm, phải phát cuồng!
Kẻ đã lấy phần ăn trộm đó,
Hỡi ngài, Tôn giả Bà-la-môn!*

Con Khi:

13. *Vòng hoa trên cổ, thiếc đeo tai,
Mong nó đi đường, khiếp sợ oai*

*Chiếc gậy luyện chơi gân lũ rắn,
Kẻ ăn phần trộm ấy, thừa ngài!*

Khi cả hội cùng thề nguyện xong qua mười ba vần kệ này, bậc Đạo Sư suy nghĩ: "Có lẽ chúng tướng chính ta nói dối rằng không có phần ăn để đó, trong khi nó vẫn có", vì thế, ngài cũng thề nguyện phần mình qua vần kệ thứ mười bốn:

*14. Ai thề thực phẩm biến đi rồi,
Mà nếu không mất mát, vậy thời
Mong nó hưởng tràn đầy dục lạc,
Và mang kết quả việc kia hoài,
Ước mong cái chết đầy phàm tục
Số phận dành cho nó cuối đời,
Điều ấy cũng dành cho quý vị,
Nếu bây giờ quý vị nghi tôi!*

Khi các bậc hiền nhân đã thề nguyện như thế xong, Đế Thích Thiên chủ nghĩ thầm: "Đừng sợ gì cả. Ta đã làm cho các củ sen kia biến mất để thử các người này và nay các vị ấy thề nguyện cả, lại đều ghê tởm hành động ấy như thể một cục đờm phải nhổ. Nay ta muốn hỏi các vị tại sao lại ghê tởm dục tham như vậy". Thiên chủ đặt câu hỏi này để chất vấn Bồ-tát trong vần kệ tiếp, sau khi Thiên chủ đã hiện nguyên hình:

*15. Người kiếm tìm luôn ở cõi trần
Cái điều vui đẹp, thiết thân lòng
Được nhiều kẻ ước mong mê mẩn.
Như vậy, vì sao các Thánh nhân
Lại chẳng tán dương nhiều sự việc
Vẫn thường ham muốn bởi phàm nhân?*

Để trả lời câu hỏi này, bậc Đạo Sư ngâm hai vần kệ:

*16. Tham dục là tai họa chết người,
Là dây xiềng xích trói trên đời,
Ở trong ác dục, ta tìm thấy
Đau khổ và kinh hãi cả thôi.
Khi bị dục tham nào cảm dỗ,
Vua thường phạm tội, đắm say hoài!*

*17. Phải vào địa ngục, các phàm nhân
Gây tội, khi tan rã nhục thân,
Vì biết khổ đau trong ác dục,
Bậc hiền chê trách, chẳng đồng lòng.*

Khi Đế Thích Thiên chủ nghe bậc Đạo Sư giải thích xong, lòng đầy xúc động nên ngài ngâm vần kệ này:

18. Chính ta trộm, thử các hiền nhân,
Ta đặt bên hồ các thức ăn,
Bậc trí thật hiền lương thánh thiện,
Hỡi người Phạm hạnh, hãy nhìn phần!

Nghe thế, Bồ-tát liền ngâm kệ nữa:

19. Chúng ta không múa rối vui chơi,
Làm các trò tiêu khiển với ngài,
Chẳng quyến thuộc ngài, hay bạn hữu,
Tại sao vậy thế, hỡi vua trời?
Thưa ngài Ngàn mắt, sao ngài nghĩ
Bậc trí bày trò giải trí thôi?

Đế Thích Thiên chủ ngâm vần kệ thứ hai mươi để làm lành với ngài:

20. Ngài chính là Sư trưởng đại nhân,
Chính ngài là một vị cha thân,
Chở che cho trăm đà sai phạm,
Xin hãy thứ tha trót lỗi lầm;
Chẳng có bao giờ, thưa Thánh giá,
Bậc hiền lại phát khởi lòng sân!

Bậc Đạo Sĩ liền tha thứ cho Thiên chủ Đế Thích và về phần ngài, để hòa giải với các Thánh nhân kia, ngài ngâm vần kệ nữa:

21. An lạc một đêm với Thánh nhân,
Chúng ta hội kiến đáng Thiên vương,
Chư Hiền, hãy dẹp lòng khi thấy
Thực phẩm mát, nay được phục hoàn.

Đế Thích Thiên chủ liền đánh lễ hội chúng hiền nhân rồi trở về thiên giới. Còn các vị ấy đã làm cho phát khởi Thiên định và các Thắng trí trong tâm, nên về sau được sinh lên cõi Phạm thiên.

*

Khi bậc Đạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại, Ngài bảo:

- Nay các Tỷ-kheo, như vậy, các bậc trí ngày xưa đã phát hạnh nguyện và từ bỏ ác dục.

Nói xong, Ngài thuyết giảng các Sự Thật. Vào lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo thối thất kia đã được an trú vào Sơ quả Dự Lưu. Và ngài ngâm ba vần kệ này để nhận diện Tiền thân:

22. Mục-liên, Xá-lợi-phất và Ta,
Ca diếp, A-na-luật, Phú-na, (1),
Cùng với A-nan-đà thuở ấy
Thất Hiền Huỳnh Đệ chón kia mà.

23. Liên Hoa Sắc, tiểu muội ngày xưa,
Tỳ nữ, Khuj-ju (2), thuở bấy giờ,
Cổ thụ Thần kia, Sà-tá (3) đó,
Cit-ta Gia chủ, chính gia nô.

24. Con Voi ngày trước chính Par-ley (4)
Con Khi là Ma-dhu-sét đây, (5)
Đế Thích là Ka-lu (6) thuở ấy,
Chúng Tăng giờ hiểu Tiên thân này.

Chú thích: (1) Punna; (2) Khujjutara; (3) Satàgira; (4) Pàrileyya; (5) Madhuvasettha; (6) Kàludàyi

-ooOoo-

489. Chuyện Đại Vương Huy Hoàng (Tiền thân Suruci)

Thiếp là chánh hậu chúa Ru-ci...

Chuyện này do bậc Đạo Sư kể trong lúc trú gôn Xá-vệ trong tòa nhà của Lộc mẫu, về việc bà nữ cư sĩ đệ nhất Visàkhà này đã được Ngài ban Tám điều Nguyện ước như thế nào.

Một buổi nọ, bà ấy nghe thuyết Pháp ở Kỳ Viên xong, rồi trở về nhà, sau khi mời đức Phật và chúng đệ tử của Ngài đến nhà vào ngày hôm sau.

Nhưng khuya hôm ấy một cơn cuồng phong dữ dội hoành hành cả bốn châu thiên hạ, đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo như sau:

- Khi mưa rơi ở Kỳ Viên, này các Tỷ-kheo, thì mưa cũng rơi khắp bốn châu thế giới. Các ông hãy thấm nhuần ơn mưa móc đến tận thịt da: vì đây là cơn đại cuồng phong cuối cùng của Ta thổi khắp thế giới.

Rồi cùng với các Tỷ-kheo thân mình đã thấm ướt nước mưa, Ngài dùng thần lực biến mất khỏi Kỳ Viên và xuất hiện trong gian phòng khách của tòa nhà bà Visàkhà. Bà kêu lên:

- Thật hi hữu thay! Thật linh diệu thay là thần thông lực của đức Như Lai thị hiện! Nước ngập lụt đến tận đầu gối, nước ngập lụt đến tận thắt lưng, mà chẳng có bàn chân hay chiếc y của một Tỷ-kheo nào bị ướt cả!

Trong nỗi hân hoan tràn trề ấy, bà cùng đám tín nữ phục vụ đức Phật và Tăng chúng. Sau buổi thọ thực, bà thưa với đức Phật:

- Thật tình con ước ao nhận được nhiều thỉnh nguyện từ đức Thế Tôn.

- Này Visàkhà, các đức Như Lai có vô lượng ân lành.

- Song những điều thỉnh nguyện này xin được ban cho chúng con, những điều này không lỗi lầm!

- Nay Visàkhà, cứ nói đi!

- Con ước ao rằng suốt đời con được quyền dâng áo khoác về mùa mưa cho Tăng chúng, thực phẩm cho các vị khách đến thăm nhà, thực phẩm cho Tăng chúng du hóa đường xa, thực phẩm cho các vị bị bệnh, thực phẩm cho những vị Tỷ-kheo phục vụ các bệnh nhân, thuốc men cho các bệnh nhân, thường xuyên cúng dường cháo gạo và suốt đời cúng dường y phục cho các Tỷ-kheo ni khi đi tắm.

Bậc Đạo Sư đáp:

- Nay Visàkhà, bà dự định làm công đức gì khi bà thỉnh cầu Như Lai Tám Nguyện ước này?

Bà liền thưa với ngài những lợi lạc mà bà mong có được, và Ngài đáp:

- Lành thay, lành thay, nay Visàkhà, thật tốt lành thay là điều lợi lạc mà bà mong sẽ được khi thỉnh cầu Như Lai Tám Nguyện ước này.

Rồi ngài bảo:

- Nay Visàkhà, Ta cho bà Tám đặc ân này đó.

Sau khi ban cho bà tám Thỉnh nguyện ấy xong và nói lời tùy hỷ công đức, Ngài ra về.

Một hôm, khi bậc Đạo Sư đang trú tại Đông Viên, Tăng chúng bắt đầu bàn luận việc này trong Chánh Pháp đường:

- Nay hiền hữu, nữ thí chủ Visàkhà, dù là nữ nhân, đã được chính đáng Thập Lực ban cho tám Thỉnh nguyện. Công đức của bà ấy thật cao cả thay!

Bậc Đạo Sư bước vào và hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì. Tăng chúng thưa với Ngài. Ngài bảo:

- Đây không phải là lần đầu tiên nữ nhân này nhận được những Thỉnh nguyện từ Ta, vì bà ấy xưa kia cũng đã nhận được như vậy.

Rồi Ngài kể cho Tăng chúng một chuyện quá khứ.

*

Một thời, có vị vua Suruci trị vì tại Mithilà. Vua này có một vương tử đặt tên là Suruci Kumàra, hay vương tử Huy Hoàng. Khi chàng lớn lên, chàng quyết định đi du học tại Takkasilà, vì thế chàng đến đó và ngồi nghỉ ở một sảnh đường tại công thành. Bấy giờ vương tử của vua Ba-la-nại tên là vương tử Brahmadata cùng đi đến đó, và ngồi nghỉ trên cùng một chiếc ghế dài mà vương tử Suruci đã ngồi. Hai người trò chuyện và kết bạn với nhau, rồi cả hai cùng đi đến vị giáo thọ kia. Hai chàng trả học phí và học tập, chẳng bao lâu, việc học đã hoàn tất.

Rồi hai chàng từ giả thầy dạy và cùng nhau lên đường. Sau khi đi một đoạn ngắn, họ dừng lại ở một nơi có ngã rẽ, cả hai ôm nhau từ biệt, và để giữ mãi tình bạn thắm thiết, hai vị giao ước với nhau:

- Nếu ta có con trai và bạn có con gái hoặc bạn có con trai và ta có con gái thì chúng ta sẽ kết đôi cho chúng.

Khi hai vị lên ngôi, vua Suruci sinh hạ một vương tử và cũng đặt tên vương tử là Suruci. Còn vua Brahmadata sinh con gái đặt tên là Sumedha hay công chúa Thiện Trí.

Vào đúng thời lớn khôn, vương tử Suruci đi đến Takkasila để học tập và khi việc học hoàn tất, lại trở về. Sau đó vua cha muốn phong vương cho con mình bằng lễ quán đảnh, và nghĩ thầm: "Bạn ta là vua Ba-la-nại đã sinh con gái, ta nghe nói vậy. Nay ta muốn cưới nàng ấy làm vương hậu cho con ta". Vì mục đích trên, vua phái đám sứ thần đem các sính lễ rất sang trọng ra đi.

Song trước khi sứ bộ đến nơi, vua Ba-la-nại hỏi bà chánh hậu điều này:

- Nay ái hậu, điều gì là nỗi khổ đau nhất đối với một nữ nhân?

- Muôn tâu, đó là việc tranh chấp với các thê thiếp khác của chồng mình.

- Vậy thì, này ái hậu, để tránh cho con gái duy nhất của ta là công chúa Sumedha khỏi nỗi khổ đau ấy, ta sẽ chẳng gả con cho một ai, ngoại trừ người nào chỉ cưới một mình nàng, chứ không có thê thiếp khác.

Vì vậy khi các sứ thần đến, và nêu danh hiệu công chúa để cầu hôn, vua bảo họ:

- Nay các hiền hữu, quả thực ta đã hứa gả con gái ta cho con của vị vua thân bằng của ta ngày xưa. Song chúng ta không muốn thả con gái vào giữa một đám nữ nhân. Vì vậy chúng ta muốn gả con gái cho vị vua nào chỉ cưới một mình nàng, chứ không thêm ai khác.

Các sứ giả đem thông điệp ấy về tâu với vua. Nhưng vua này phật ý, bảo:

- Nước ta là một đại vương quốc với kinh thành Mi-thi-là chiếm bảy dặm, toàn thể đất nước gồm cả ba trăm dặm. Một vị đại vương như vậy phải có cả mười sáu ngàn cung phi là ít nhất.

Còn vương tử Suruci vừa nghe danh tiếng dung sắc tuyệt mỹ của công chúa Sumedha liền đâm ra si tình công chúa dù chỉ là nghe đồn thôi, nên chàng nhờ thừa lại song thân là:

- Con quyết sẽ cưới một mình nàng chứ không thêm ai khác nữa. Con có cần gì cả đám nữ nhân kia chứ? Xin đi cưới nàng về ngay.

Hai vị không cản trở ước vọng của chàng, liền gửi sính lễ sang trọng cùng một đám sứ thần đồng đò đi rước nàng về cung. Thế là nàng được phong làm vương hậu và cả hai người đều được tôn lên ngôi bằng lễ quán đảnh (rảy nước lên đầu).

Chàng trở thành quốc vương Suruci, cai trị rất đúng pháp và sống rất hạnh phúc với hoàng hậu. Song dù nàng đã về sống ở nhà chồng đến mười ngàn năm, nàng chẳng hề sinh hạ con trai hay con gái gì cả.

Sau đó, dân chúng tụ tập lại trước sân châu với những lời trách móc. Vua hỏi:

- Có chuyện gì thế?

Dân chúng tâu:

- Chúng thần chẳng thấy lỗi lầm nào ngoại trừ việc này: Đó là Chúa thượng không có con trai để nối dõi. Chúa thượng chỉ có một chánh hậu, tuy nhiên một quốc vương phải có ít nhất là mười sáu ngàn cung tần. Xin Chúa thượng hãy tuyển một đám phi tần mỹ nữ, rồi một thứ phi xứng đáng sẽ hạ sinh cho Chúa thượng một hoàng nam.

- Nay, các hiền hữu nói điều gì thế? Ta đã hứa không cưới ai khác ngoài hoàng hậu và theo những điều kiện thỏa thuận trên mà ta đã chiếm được nàng làm vợ. Ta không thể nuốt lời được, ta không cần cả một đám nữ nhân đâu.

Như thế vua từ chối lời thỉnh cầu của dân nên họ ra về. Song Sumedha nghe được câu chuyện. Bà nghĩ thầm: "Đức vua từ chối việc tuyển chọn cung phi vì lòng trung tín của ngài, được rồi, ta sẽ tìm thê thiếp khác cho ngài". Bà vừa đóng vai người mẹ, cùng vai người vợ đối với vua, nên bà tự nguyện tuyển một ngàn công nương thuộc dòng Sát-đế-ly, một ngàn tiểu thư của các con quan trong triều, một ngàn thiếu nữ nhà lành, một ngàn vũ nữ đủ loại, tổng cộng bốn ngàn, rồi đem dâng vua.

Các nàng ấy sống trong cung suốt mười ngàn năm cũng chẳng hề sinh con cái gì cả. Cứ theo cách ấy, ba lần nữa, bà dâng vua bốn ngàn cung nữ, song họ chẳng sinh được con cái gì. Như vậy bà đã dâng vua cả mười sáu ngàn cung tần mỹ nữ. Bốn mươi ngàn năm trôi qua, nghĩa là năm mươi ngàn năm tất cả, tính luôn mười ngàn năm vua đã chỉ sống với một mình hoàng hậu thôi. Sau đó, dân chúng lại tụ tập với những lời trách móc; vua hỏi:

- Cái gì đây nữa?

- Tâu Chúa thượng, xin ngài ra lệnh cho các cung phi cầu tự.

Từ đó, để cầu tự, các nàng cúng bái đủ các loại thần linh và thê nguyên khấn khứa đủ mọi cách, tuy thế, vẫn không có vương tử nào xuất hiện. Rồi vua ra lệnh cho bà Sumedha cũng phải cầu tự, hoàng hậu thỏa thuận.

Vào dịp lễ Trai giới ngày mười lăm (rằm) trong tháng, hoàng hậu giữ hạnh nguyện Bát quan Trai giới và ngồi trầm tư về các công đức trong một cung thất lộng lẫy trên một sàng tọa êm ái. Các cung nữ khác đều ở trong ngự uyển, cầu nguyện sẽ cúng tế đủ loại dê bò. Vì công đức sáng chói của hoàng hậu Sumedha nên cung điện của Thiên chủ Sakka (Đế Thích) rung động.

Đế Thích Thiên chủ suy xét và hiểu rằng bà Sumedha đang cầu tự. "Được rồi, bà sẽ được một hoàng nam. Song ta không thể ban cho bà một hoàng nam này hay một hoàng nam nọ một cách

thiếu quan tâm, mà ta muốn đi tìm một vị nào xứng đáng". Rồi ngài thấy một Thiên tử còn trẻ tên là Nalakàra, Người Đan giỏ.

Chàng có đầy đủ đức độ thiện hạnh, trong một đời trước đó sống ở Ba-la-nại, thì chuyện này xảy ra cho chàng. Vào mùa gieo hạt, khi chàng ra đồng, chàng gặp một vị Độc Giác Phật. Chàng bảo các tá điền gieo hạt, cúng dường một bữa ăn rồi dẫn vị ấy trở lại bờ sông Hằng. Chàng cùng con trai dựng túp lều, trụ bằng thân cây sung và đan kết lau sậy làm vách tường, gắn cửa vào và dọn một lối đi. Chàng mời vị Độc Giác Phật ở đó suốt ba tháng và khi hết mùa mưa, hai cha con chàng đắp lên Ngài ba chiếc y rồi để Ngài ra đi. Cùng cách ấy, hai cha con thiết đãi đồ ẩm thực bảy vị Độc Giác Phật trong túp lều ấy rồi cúng dường mỗi vị ba chiếc y, xong để các vị ai đi đường nấy.

Vì vậy, dân chúng vẫn kể chuyện hai cha con làm nghề đan giỏ, tìm các cây liễu trên bờ sông Hằng (để lấy gỗ đan giỏ) và hễ khi nào thấy một vị Độc Giác Phật thì họ cúng dường như trước đã nói. Lúc mạng chung, họ được tái sinh vào cõi trời Ba mươi ba, và cứ an trú sáu tầng trời cõi Dục liên tục tới lui theo vòng luân hồi sinh tử, tận hưởng vinh quang tột đỉnh giữa chư Thiên.

Hai vị ấy sau khi mạng chung ở cõi này lại ước mong được lên các thiên giới cao hơn. Đế Thích Thiên chủ nhận thức rằng một trong hai vị Thiên tử này sẽ thành đức Như Lai, nên Thiên chủ đến cửa cung của hai vị, đánh lễ vị ấy khi vị ấy đứng lên chào đón Thiên chủ và bảo:

- Thưa Tôn giả, ngài nên sinh vào thế giới loài người.

Song vị Thiên tử bảo:

- Tâu Đại vương, thế giới loài người đầy hận thù đáng kinh tởm, những người ở đó làm thiện sự và bố thí, cũng đều ước mong được lên thiên giới. Vậy thần xuống đó làm gì chứ?

- Thưa Tôn giả, ngài sẽ được hưởng trọn vẹn mọi lạc thú có thể hưởng được trong nhân giới; ngài sẽ ngự trong một cung điện làm toàn bằng bảo ngọc cao hai mươi lăm dặm. Xin ngài đồng ý cho.

Vị Thiên tử liền chấp thuận. Khi Đế Thích Thiên chủ đã được vị ấy hứa lời rồi, liền giả dạng một hiền nhân giáng xuống ngự viên, xuất lộ nguyên hình vừa bay lượn trên đầu các cung phi này, vừa ca hát:

- Ta sẽ ban diễm phúc cho ai được một nam tử đây? Ai mong được diễm phúc có một nam tử đây?

- Thưa ngài, xin cho con, xin cho con!

Hàng ngàn cánh tay giơ lên. Sau đó Thiên chủ bảo:

- Ta sẽ ban các nam tử cho những người đức độ: vậy về công đức các nàng làm được những gì? Cuộc đời các nàng, lối sống các nàng ra sao?

Họ đều hạ tay xuống và thưa:

- Nếu ngài muốn thưởng công cho người đức hạnh thì xin ngài đi tìm hành hậu Sumedha.

Ngài liền bay qua không gian và dừng lại ở cửa sổ cung thất của bà. Khi đó đám cung nữ đến trình với bà:

- Tâu lệnh bà, một vị Thiên chủ đã bay qua không gian và đứng ngay tại cửa sổ cung thất lệnh bà để ban cho lệnh bà diễm phúc được một vương tử!

Bà liền đến đó đón ngài vô cùng trọng thể. Vừa mở cửa sổ ra, bà vừa hỏi:

- Tâu Thiên chủ, tiện thiếp trộm nghe rằng ngài sẽ ban diễm phúc cho một nữ nhân đức hạnh được một nam tử, có đúng vậy chăng?

- Đúng vậy, ta sẽ làm như thế.

- Vậy xin ngài làm ơn ban cho tiện thiếp diễm phúc ấy.

- Hãy cho ta biết Chánh hậu đã tạo được công đức gì, rồi nếu chánh hậu làm đẹp ý ta, ta sẽ ban cho diễm phúc ấy.

Bà liền ngâm mười lăm vần kệ này nêu rõ công đức của mình:

*1. Thiếp là chành hậu chúa Ru-ci,
Vương hậu đầu tiên chúa cưới về,
Với chúa Su-ru-ci vạn tuế,
Thiếp đã sống trọn đạo hiền thê.*

*2. Huy Hoàng chúa tể ở My-la,
Là chính kinh thành của quốc gia,
Thiếp chẳng hề xem thường thánh ý,
Chẳng chê ngài thấp kém, sai ngoa,
Dù sau lưng chúa, hay ngoài mặt,
Về khẩu, ý, thân, đủ cả ba.*

*3. Thánh giả, điều này nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khuya môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.*

*4. Phụ hoàng, mẫu hậu của vương quân,
Hai đáng sinh thành ngự trị dân,
Trong lúc các ngài còn tại thế,
Vẫn thường dạy thiếp Đạo hiền nhân.*

*5. Thiếp ước không làm hại mạng ai,
Quyết lòng hành động chánh chân hoài,
Ấn cần tận tụy hầu hai vị,
Không mệt mỏi cho dầu tối ngày.*

6. Thánh giả, điều này, nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.

7. Thứ phi sau thiếp cứ tăng dần,
Mời sáu ngàn không thiếu một nàng,
Tuy thế, chẳng hề, thưa Thánh giả,
Xảy hờn ghen giữa đám hồng quân.

8. Thiếp mừng khi chúng được an lành,
Với mọi cung phi, thắm thiết tình,
Lòng thiếp nhân từ cùng tất cả,
Khác nào đối với bản thân mình.

9. Thánh giả, điều này, nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.

10. Nô tỳ, thị giả, mọi gia nhân,
Tất cả nơi đây ở hợp quần,
Thiếp đối ân cần, ban thực phẩm,
Tươi cười nét mặt tạo hân hoan.

11. Thánh giả, điều này, nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.

12. Các nhà ẩn sĩ, Bà-la-môn,
Hễ thấy người nào đến khăn van,
Thiếp đãi uống ăn đều khắp cả,
Đôi bàn tay rửa sạch hoàn toàn.

13. Thánh giả, điều này, nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.

14. Vào ngày mồng tám, nửa tuần trăng,
Mười bốn, mười lăm, các buổi rằm,
Thiếp vẫn chuyên tâm trì giới luật,
Bước theo Thánh đạo của hiền nhân.

15. Thánh giả, điều này, nếu thật chân,

*Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.*

Quả thật, dù cả trăm, cả ngàn câu kệ cũng không đủ lời tán thán mọi công đức của bà; tuy thế, Đế Thích Thiên chủ cứ để cho bà tự tán thán trong mười lăm vắn kệ này. Ngài cũng không ngắt ngang câu chuyện, mặc dù ngài còn nhiều việc phải làm ở nơi khác. Sau đó ngài bảo:

- Công đức của Chánh hậu thật là kỳ diệu và sung mãn tràn trề thay!

Rồi ngài ngâm hai vắn kệ ca ngợi bà:

*16. Nương nương hỡi, Chánh hậu Huy Hoàng,
Công đức này cao trọng thập toàn
Đều thấy trong nàng, này Chánh hậu,
Chính nàng ca ngợi đại danh nàng.*

*17. Một hoàng nam chính thống cao sang,
Muôn vẻ vinh quang, trí vẹn toàn,
Đại đế Vi-đề-ha chánh trực,
Sắp ra đời đó chính con nàng.*

Khi bà nghe những lời này, bà vô cùng hoan hỷ ngâm hai vắn kệ đề hỏi Thiên chủ:

*18. Bụi bấn, lấm lem tóc rối bông,
Hình ngài lơ lửng ở trên không,
Nói bằng một giọng đầy thân ái,
Lắm thiếp cảm rung tận cõi lòng.*

*19. Có phải ngài Thiên đế đại hùng,
Trên trời ngài ngự, hỡi hiền nhân?
Xin cho thiếp biết từ đâu đến,
Cho biết là ai đó giáng trần?*

Thiên chủ đáp lời bà qua sáu vắn kệ:

*20. "Thiên nhân Sak-ka" nàng thấy đây,
Vì Thiên chúng vẫn gọi như vậy.
Những khi Thiên chúng đều đoàn tụ
Trong Thiện pháp đường mỹ diệu thay.*

*21. Khi nữ nhân hiền đức vẹn toàn,
Tại đây được thấy giữa trần gian,
Chánh chân nội tướng đầy nhân ái
Với mẹ chồng, như phận sự nàng.*

22. Khi chư Thiên biết một hồng nhan,

*Lòng trí cao minh, nghiệp thiện toàn,
Dù nữ nhi, mà từ thượng giới,
Thiên chúng đích thân đến với nàng.*

*23. Giữ đời đức hạnh, hồi Nương nương,
Nhờ tích trữ toàn việc thiện lương,
Công chúa xuất thân, đã đạt được
Trọn niềm hạnh phúc vẫn cầu mong.*

*24. Vậy nàng gặt hái nghiệp duyên nàng
Bằng cảnh huy hoàng ở thế gian,
Công chúa, về sau trên thượng giới
Tái sinh nàng được hóa Thiên thân.*

*25. Nữ nhi hiền đức, hưởng hồng ân!
Cứ sống giữ gìn hạnh chánh chân,
Nay lúc ta cần về thượng giới,
Vui mừng vì diện kiến tôn nhan.*

- Ta còn việc phải làm trên tiên giới-Ngài bảo-Vậy ta đi đây, còn nàng hãy chuyên tâm tinh cần.

Cùng với lời khuyên nhủ này, ngài ra về.

Tảng sáng hôm ấy, Thiên thần Nalakàra được nhập mẫu thai của hoàng hậu. Khi bà biết chuyện ấy, bà liền tâu với vua. Vua làm đủ mọi việc cần thiết cho một thai phụ. Sau mười tháng, bà sinh hạ một vương tử, hai vị đặt tên là Mahà-panàda. Toàn dân của hai quốc độ đều đến kêu lên:

- Tâu Chúa thượng, chúng hạ thân xin mang tiền mua sữa tới tặng hoàng thái tử.

Rồi mỗi người thả một đồng vàng vào trong sân châu thành một đồng tiền lớn. Vua không muốn nhận tiền này, nhưng dân chúng không chịu lấy lại, và tâu với vua khi họ ra về:

- Tâu Chúa thượng, số tiền này để dành cấp dưỡng vương tử khi ngài lớn lên.

Vương nhi lớn lên giữa cảnh huy hoàng và khi chàng đến tuổi trưởng thành, không quá mười sáu, chàng đã kiện toàn tất cả mọi môn học thuật. Vua nghĩ đến tuổi trưởng thành của chàng, bảo hoàng hậu:

- Nay ái hậu, khi đến thời làm lễ quán đảnh cho hoàng nhi, ta hãy xây cho con ta một cung điện tuyệt đẹp vào dịp đó.

Bà thỏa thuận hoàn toàn. Vua liền cho triệu các người có tài đoán biết nơi chôn an lành để xây cung điện và họ bảo:

- Nay các hiền hữu, hãy tìm một kiến trúc sư thượng thủ và xây cho ta một cung điện không xa cung ta. Cung này dành cho hoàng tử mà chúng ta sắp phong vương để kế vị ta đó.

Họ tâu việc ấy tốt lành thay và bắt đầu đi vào khảo sát mặt đất.

Lúc ấy, chiếc ngai của Đế Thích Thiên chủ nóng rực lên. Nhận thấy điều này, Thiên chủ lập tức triệu Vissakamma-vị Thiên thần chuyên xây dựng đền và bảo:

- Nay Hiền giả Vissakamma, hãy xây cho thái tử Mahà-panàda một cung điện dài rộng nửa dặm và cao hai mươi lăm dặm, toàn bằng bảo ngọc.

Vissakamma liền giả dạng thợ hồ đi đến gần đám thợ kia bảo:

- Hãy đi ăn sáng xong rồi trở về đây.

Sau khi họ đi khuất cả rồi, vị ấy lấy cây gậy đập xuống đất, lập tức một cung điện hiện ra cao bảy tầng đúng kích thước như trên.

Bảy giờ triều đình cử hành liên tiếp ba đại lễ cho Thái tử Mahà-panàda: Lễ khánh thành cung điện, lễ giương chiếc lọng hoàng gia trên đầu chàng (lễ phong vương) và lễ thành hôn cho chàng. Trong thời gian hành lễ, toàn dân cả hai xứ tụ tập lại tổ chức hội hè yến tiệc suốt bảy năm mà vua cũng không giải tán quần chúng: xiêm y, đồ trang sức, đồ ẩm thực và mọi thứ khác hoàng gia đều cung cấp đầy đủ cả.

Sau bảy năm ấy, dân chúng bắt đầu cầu nhau than phiền và vua Suruci hỏi tại sao, họ đáp:

- Tâu Đại vương, trong lúc chúng hạ thần mãi vui chơi hội hè đình đám thì bảy năm đã trôi qua. Thế khi nào thì lễ hội này mới chấm dứt?

Vua đáp:

- Nay các hiền hữu, suốt thời gian qua, vương nhi chưa hề một lần nào cười cả. Vậy khi nào vương nhi cười thì ta sẽ giải tán.

Sau đó dân chúng đi đánh trống và tập hợp các người làm trò múa rối nhào lộn lại với nhau. Hàng ngàn người diễn trò kéo đến và chia nhau thành bảy ban ca múa, nhưng họ không thể nào làm vương tử cười được. Rõ ràng chàng là một người đã từng xem múa hát của các vũ thần chốn thiên đình rồi thì không thể nào ham thích được các vũ công hạ giới như thế này.

Sau đó hai tên hề múa rối lanh lợi xuất hiện, đó là Bhandu Kanna và Pandu Kanna tức Tai Cụt và Tai Vàng. Chúng tâu:

- Chúng tiểu thần sẽ làm cho hoàng tử cười.

Bhandu Kanna liền hóa phép ra một cây xoài vĩ đại, mà gã gọi là "Vô song địch", mọc lên trước cửa cung, sau đó gã ném ra một cuộn dây làm cho nó mắc vào một cành xoài rồi gã trèo lên cây xoài Vô song địch ấy.

Thời bấy giờ người ta bảo cây xoài Vô địch ấy là của Vessavana (Tỳ-sa-môn Thiên vương). Bọn nô lệ của thần Vessavana bắt lấy gã, như thường lệ, chặt ra từng khúc và thả xuống đất. Bọn người làm

trò ảo thuật kia ghép các khúc đó lại và tưới nước lên. Gã đó liền choàng mớ xiêm y cả bên trong lẫn bên ngoài đều kết bằng hoa rồi đứng dậy bắt đầu ca múa như cũ. Ngay cái cảnh tượng kỳ dị này cũng không làm vương tử cười được.

Sau đó Pandu Kanna chắt dầu củi đốt lửa lên trước sân châu và nhảy vào lửa với đồng bọn múa rối ấy. Khi lửa tan hết, người ta tưới nước vào đó, Pandu Kanna cùng cả bọn lại vùng dậy ca múa với đủ xiêm y từ trong ra ngoài kết bằng hoa! Khi dân chúng thấy họ không thể làm cho vương tử cười được thì họ bực tức lắm.

Đế Thích Thiên chủ nhận thấy việc này, liền phái xuống một vũ công trên trời, bảo vị ấy làm cho vương tử Mahà-panàda cười. Thế rồi vị ấy đứng lơ lửng giữa không gian trên sân châu, và biểu diễn một điệu múa gọi là Vũ khúc Bán thân: chỉ một tay, một chân, một mắt, một răng nhảy múa rung rinh, lắc lư qua lại, còn mọi phần kia vẫn trơ như đá!

Khi Mahà-panàda thấy thế thì chàng hơi nhếch mép cười một chút thôi! Còn đám dân chúng đều cười rộ lên từng tràng dài, và không thể nào kèm chế chân tay được nữa, nên họ cứ lăn quay long lóc khắp cả sân rồng. Thế là kết thúc hội hè! Phần còn lại:

Đại đế Pa-nà, chúa đại hùng

Với cung bằng ngọc quý, vàng ròng...

Đã được giải thích trong Thế Tôn Mahà Panàda (số 264, tập II, Chương III)

Vua Mahà Panàda chuyên tâm làm thiện sự và bố thí nên lúc mạng chung được sinh lên Thiên giới.

*

Khi bậc Đạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Như vậy, này các Tỷ-kheo, Visàkhà đã nhận được điều ước Ta ban thưở trước kia.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời bấy giờ, Bhaddaji là Mahà Panàda, Visàkhà là hoàng hậu Sumedha, Ananda là Vissakamma và Ta chính là Đế Thích Thiên chủ.

-ooOoo-